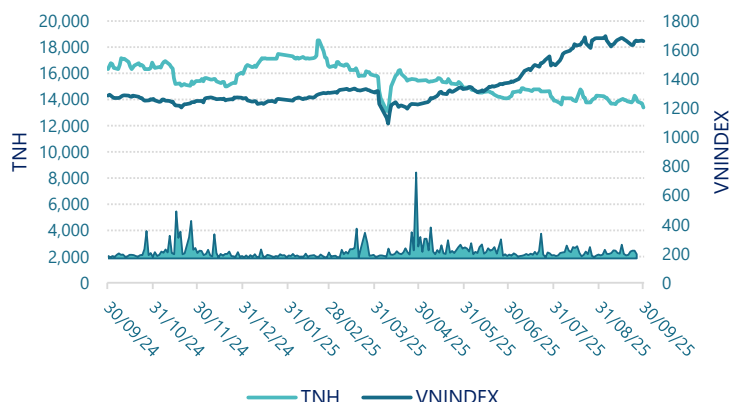


CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH (HSX: TNH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,522
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,130
SL cổ phiếu LH	165,751,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)	372,634
% sở hữu nước ngoài	54.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,221
P/E	-25.2
EPS	-532

DT thuần

Q3/25

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0 | 18.4%

YoY: ▲ 36.0 | 32.4%

LN sau thuế

Q3/25

-20.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.30 | -6.7%

YoY: ▼ 29.8 | -324%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-5.1%

+/- YoY: ▼ 18.1%

DT thuần

9T 2025

362

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.0 | 8.9%

LN sau thuế

9T 2025

-74.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 137 | -219%

ROE

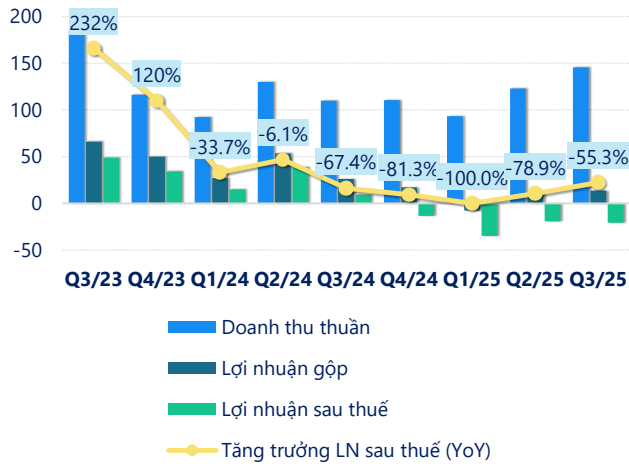
Q3/25

-5.1%

+/- YoY: ▼ 10.9%

tỷ VNĐ

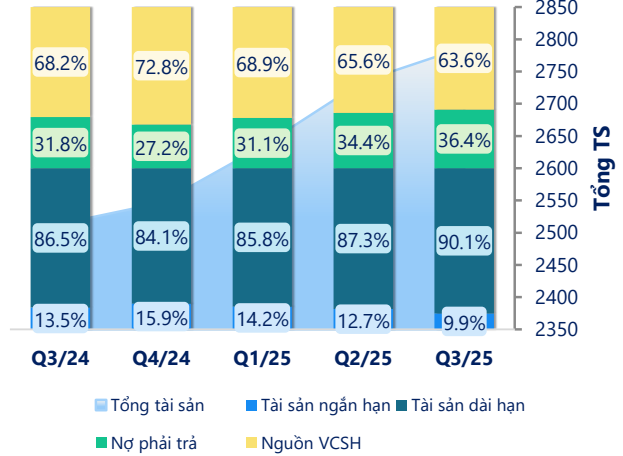
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

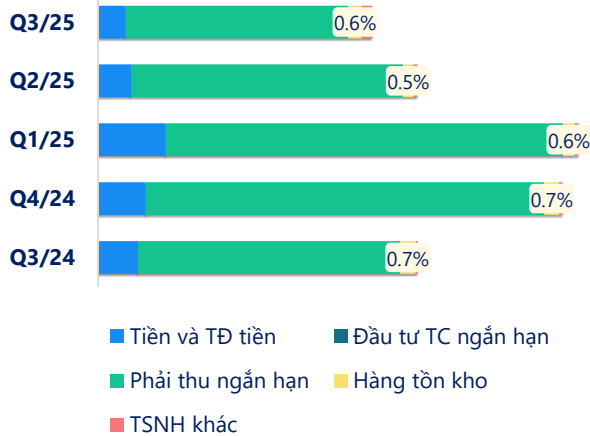
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



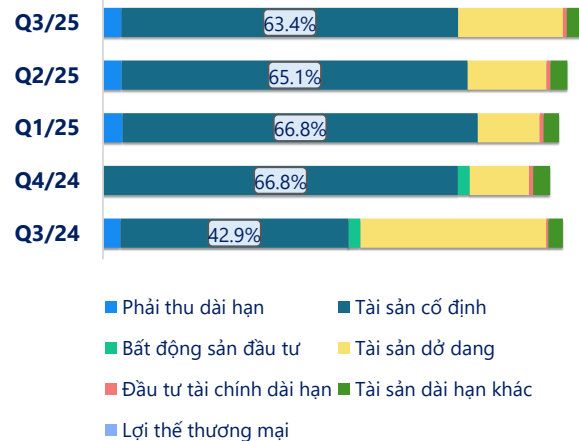
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

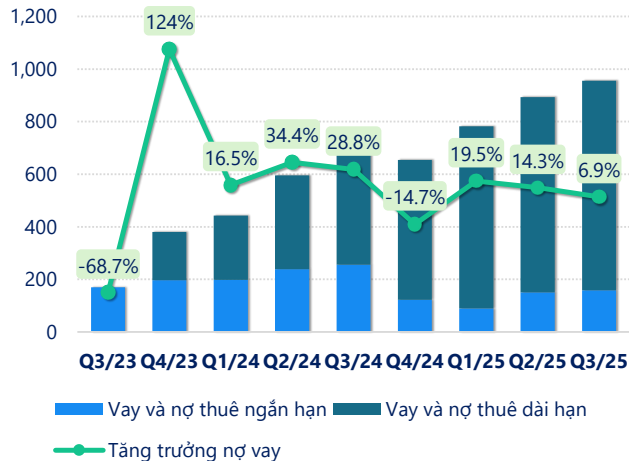
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

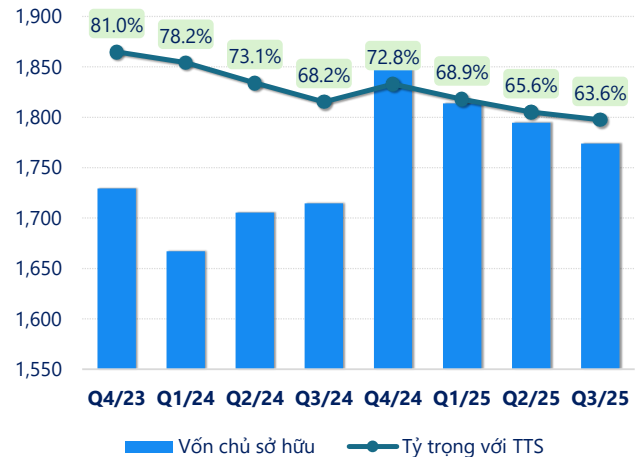
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

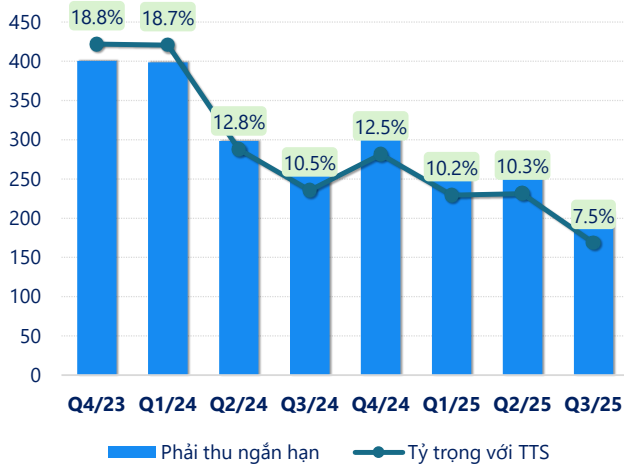
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



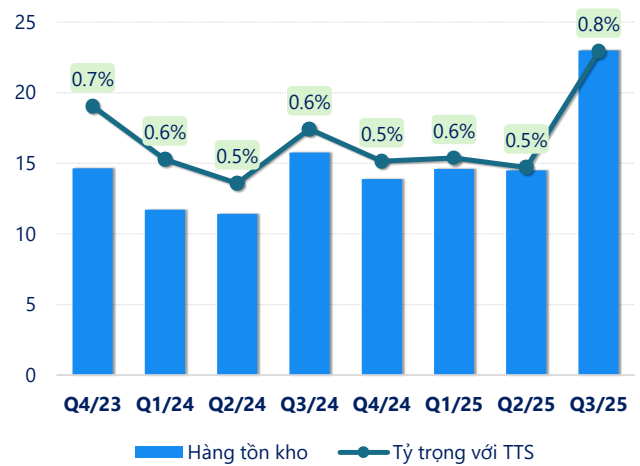
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


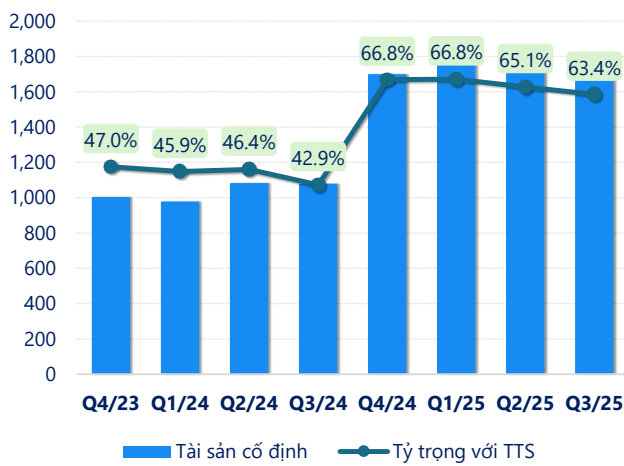
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


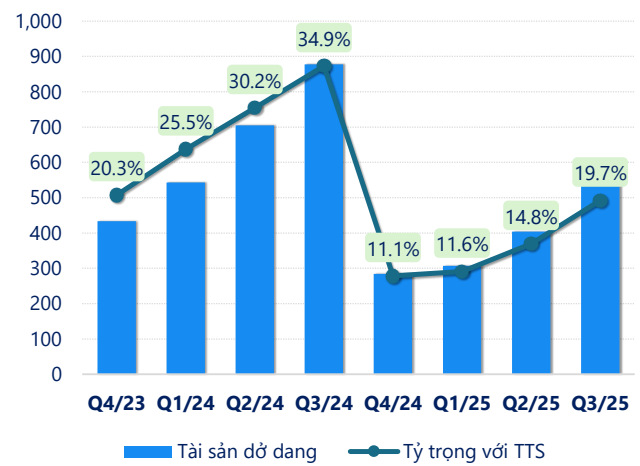
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

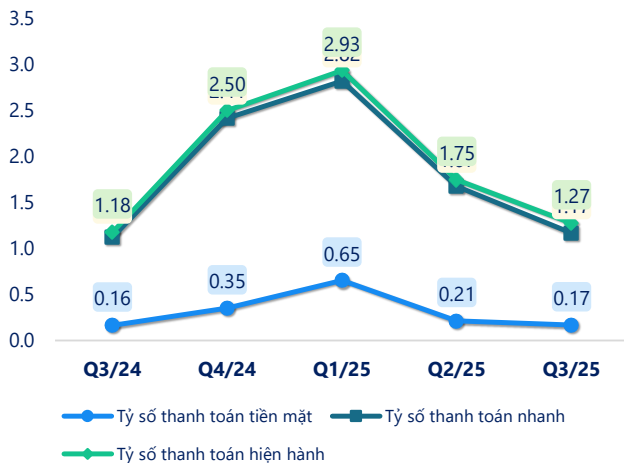
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

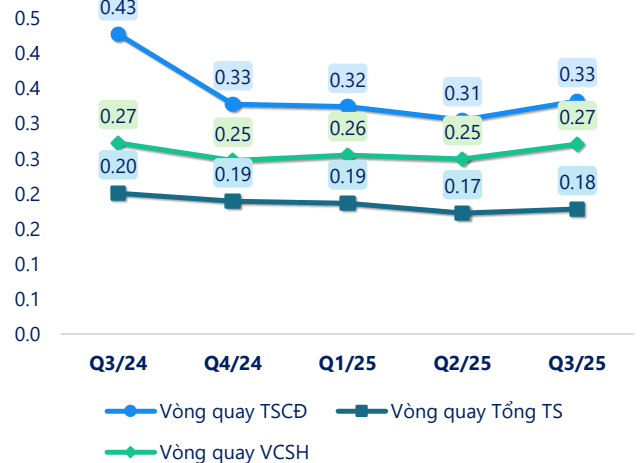
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,514	2,546	2,634	2,735	2,788
Tài sản ngắn hạn	339	405	374	346	277
Tiền và tương đương tiền	47.3	56.8	83.3	42.4	36.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	263	319	269	281	209
Hàng tồn kho	15.8	13.9	14.6	14.5	23.0
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	15.5	7.82	7.92	8.52
Tài sản dài hạn	2,175	2,142	2,260	2,389	2,511
Phải thu dài hạn	82.5	0	96.0	96.0	96.0
Tài sản cố định	1,079	1,700	1,761	1,781	1,766
Bất động sản đầu tư	56.1	56.0	0	0	0
Tài sản dở dang	878	284	307	404	549
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản dài hạn khác	69.7	81.9	76.3	87.8	79.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	799	693	820	941	1,014
Nợ ngắn hạn	288	162	128	198	217
Vay và nợ thuê ngắn hạn	255	122	88.9	151	158
Phải trả người bán ngắn hạn	18.2	23.5	20.4	26.1	34.6
Nợ dài hạn	511	531	693	743	797
Vay và nợ thuê dài hạn	511	531	693	743	797
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,715	1,853	1,814	1,794	1,774
Vốn chủ sở hữu	1,715	1,853	1,814	1,794	1,774
Vốn điều lệ	1,102	1,442	1,442	1,442	1,442
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)